TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thinh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh
2/ Bà Trần Thị Ngoan
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 656/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q - sinh năm 1984
Địa chỉ: Tổ 12, ấp BC, xã ND, huyện CT, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn T P - sinh năm 1984
Địa chỉ: Tổ 12, ấp BC, xã ND, huyện CT, tỉnh TN.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Q trình bày: Chị và anh P chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện CT, tỉnh TN. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2014 vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, anh P còn chung sống với người khác bị Tòa án xét xử hiện đang bị giam giữ, nay tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/01/2002, Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/9/2008. Chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không nợ ai.

Tại lời khai ngày 07 tháng 9 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn T P trình bày: Thời gian vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn như chị Q trình bày là đúng, quá trình chung sống không mâu thuẫn gì mà do năm 2017 anh làm sai bị Tòa án xét xử phạt 07 năm tù, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, nay vợ xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/01/2002, Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/9/2008. Con chung theo ai người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao cho chị Q nuôi dưỡng 02 con chung, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, không yêu cầu, nợ chung khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết, chị Q phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Q là nguyên đơn, anh Nguyễn T P là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 227, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Q và anh P.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn T P chung sống với nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện CT, tỉnh TN, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung theo chị Q đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hàn gắn không được, ý kiến của anh P do anh làm sai bị Tòa án xét xử năm 2017 phạt 07 năm tù, nên chị Q xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn. Như vậy, trong thời gian chị Q và anh P sống chung có mâu thuẫn, hiện tại anh P phải chấp hành bản án 07 năm tù, chị Q và anh P xác định không hàn gắn được, chị Q yêu cầu được ly hôn, anh P đồng ý ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là có phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/01/2002, Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/9/2008, hiện các cháu đang sống với chị Q. Ý kiến chị Q yêu cầu nuôi con, ý kiến anh P các con theo ai người đó nuôi, không

yêu cầu cấp dưỡng. Qua hỏi nguyện vọng của cháu T, cháu có nguyện vọng được sống với chị Q, cháu T có nguyện vọng được sống với anh P, nhưng hiện anh P đang phải chấp hành bản án 07 năm tù, nên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Do đó, cần giao cho chị Q nuôi dưỡng 02 con chung, chị Q không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung; khai không nợ.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị Q phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYEÁT ÑÒNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Xin ly hôn" của chị Phan Thị Q đối với anh Nguyễn T P.

Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn T P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung: Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/01/2002 và Nguyễn Thị P T - sinh ngày 13/9/2008.

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Q không yêu cầu.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung: Chị Q và anh P không yêu cầu giải quyết, nợ chung; chị Q và anh P khai không nợ.

4. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018935 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyeàn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn15 ngày kể từu ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Ninh Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh